

Bản án số: 194/2023/HS-ST
Ngày 28-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như

Thẩm phán: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Quốc Khôi.

Bà Hoàng Thị Lâm.

Ông Đặng Quang Tùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Văn Nhường, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 174/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 879/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Đoàn Thị U, giới tính: Nữ, tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 04-01-1974 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn

Nơi thường trú: Bản Nhàn (tên gọi khác Bản N), xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở trước khi bị bắt: Phố L, thị trấn L, huyện L, thành phố S, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Quảng Đ (đã chết) và bà Nông Thị N (đã chết); chồng (không có); con: có 01 con, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-9-2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C (có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Lý Thị N1-Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (Bào chữa theo quy định của pháp luật). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h 30 phút ngày 30/5/2015 tại khu vực xóm P, thị trấn T, huyện P (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng tổ công tác Đoàn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế T, đang làm nhiệm vụ phát hiện Đặng Thế H, sinh năm 1981, trú tại G, N, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đang vận chuyển 01 chiếc túi màu đen, tiến hành kiểm tra bên trong có 16 gói ni lon đều chứa các hạt tinh thể màu trắng, H khai nhận là ma túy đá, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định. Khi mở rộng điều tra vụ án H còn khai nhận trước đó H được mua ma túy đá với Đoàn Thị U và Hoàng Văn N2, sinh năm 1976, trú tại N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để bán lại kiếm lời. Do Đoàn Thị U không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra đã cho Đặng Thế H nhận dạng qua ảnh để tiếp tục xác minh làm rõ. Đến ngày 20/9/2023 Đoàn Thị U bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tại cửa khẩu Quốc tế T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 31/5/2015 Cơ quan điều tra cùng các cơ quan chức năng tiến hành mở niêm phong, trích lấy mẫu để trưng cầu giám định, tổng khối lượng vật chứng thu giữ là 2.067,54gam. Tại kết luận giám định số 5165/C54-TT2 ngày 30/6/2015 của V T1 kết luận: "Chất rắn màu trắng dạng tinh thể trong các mẫu ký hiệu từ 01 đến 16 gửi giám định đều có thành phần Methamphetamine, hàm lượng Methamphetamine từng mẫu từ 62,9% đến 70,5%, Methamphetamine nằm trong Danh mục II, STT 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ".

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau: Trước đó khoảng cuối năm 2014 Đặng Thế H thông qua một người tên H1 (không rõ họ tên, địa chỉ) để làm quen với Đoàn Thị U, khi gặp nhau tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, H đặt vấn đề mua ma túy đá với U để đưa vào thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiêu thụ, U đồng ý. Nên từ đầu năm 2014 đến khi bị bắt H và U đã 03 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy như sau:

Lần thứ nhất: Vào một buổi tối không rõ ngày, tháng đầu năm 2015 tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, H gặp U trao đổi đặt mua 250gam ma túy đá với số tiền 105.000.000 đồng, H đưa trước cho U 100.000.000 đồng, U đồng ý. Sáng hôm sau H đi xe ôm đến cửa khẩu T trước, còn U được bạn trai là Hoàng Văn N2 chở bằng xe máy đưa đến sau, khi gặp nhau ba người đi vào một quán nước, trước đó U đã liên lạc với 01 người Trung Quốc tên là A C để lấy ma túy, một lúc sau U đi xuống bờ sông lên mảng đi sang Trung Quốc, khoảng 01 giờ sau U gọi điện cho H nói là đã lấy được ma túy, khi H đi ra bờ sông thì được một người đàn ông Trung Quốc đưa cho một hộp cát ton kích thước khoảng 20cm X 30cm, bên trong có 01 túi-ni lon chứa ma túy, sau đó H nhờ N2 đưa ra xe khách

đi về thành phố V để tiêu thụ. Một ngày sau U đổi 100.000.000 đồng sang tiền CNY (nhân dân tệ) và trả tiền cho A C, thì được A C đưa lại số tiền tương ứng 10.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Sau lần một khoảng 01 tháng, H và U thỏa thuận mua bán 300 gam ma túy đá, với giá 120.000.000 đồng, hai người thống nhất gặp nhau tại cửa khẩu T, P, Cao Bằng. Hôm đó H đến nơi hẹn trước, còn U được N2 chở bằng xe máy đến sau, khi gặp nhau H đưa U 100.000.000 đồng, U cầm tiền và đưa lại cho N2, sau đó U bảo N2 chờ ở cửa khẩu T, còn U và H đi sang Trung Quốc, do chưa mua được ma túy, nên H cùng U quay lại Việt Nam cùng N2 nghỉ qua đêm tại một nhà nghỉ ở khu vực T, P. Sáng hôm sau N2 cầm số tiền U đưa đi về nhà. Đến khoảng 10 giờ sáng hôm sau thì H nhận được ma túy từ A C và theo xe khách đi về thành phố V, còn U đi đâu H không biết. Do H còn nợ 20.000.000 đồng nên U nhờ tài khoản của N2 để H chuyển tiền vào, khoảng 05 ngày sau U đổi 100.000.000 đồng sang tiền CNY và trả cho A C, khi H chuyển 20.000.000 đồng, U cùng N2 rút tiền mặt và mỗi người hưởng lợi 10.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Cách lần thứ hai khoảng 01 tháng, H từ thành phố V đi ra gặp U tại cửa khẩu T, huyện P, tỉnh Cao Bằng, hai bên thống nhất mua bán 300 gam ma túy đá, với số tiền 120.000.000 đồng, lần này N2 cũng đưa U đến cửa khẩu T thì gặp H, H đưa trước cho U số tiền 90.000.000 đồng, U đưa cho N2 cầm tiền đi về trước, còn U, H đi sang Trung Quốc gặp A C, sau đó A C cùng H khác đi lấy ma túy, khi có ma túy H đi sang Việt Nam và theo xe khách đi về thành phố V, hôm sau U lấy tiền với N2 và đổi sang CNY (nhân dân tệ) mang trả cho A C theo thỏa thuận. Khi H chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản N2, U cùng N2 đi rút tiền đổi sang tiền CNY và trả cho A C, A C đưa lại U số tiền CNY tương đương 15.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo Đoàn Thị U về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Thị U khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 123/CT-VKSCB-P1 ngày 06-11-2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Đoàn Thị U về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, khẳng định

quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đoàn Thị U về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Tội danh: Bị cáo Đoàn Thị U phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 (Bộ luật hình sự năm 1999); điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Thị U 20 (hai mươi) năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị:

- Truy thu: số tiền 35.000.000 (ba mươi năm triệu đồng) do bị cáo được hưởng lợi từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

- Trả lại cho bị cáo Đoàn Thị U: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu đen, xác định điện thoại trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp pháp lý Lý Thị N1 trình bày lời bào chữa cho bị cáo :

Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, nguyên nhân bị cáo phạm tội là do gia đình kinh tế khó khăn, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo sống tại vùng đặc biệt kinh tế khó khăn, ngoài ra bị cáo có bố được nhà nước tặng thưởng Huân Chương. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, hoàn cảnh gia đình, tính chất và mức độ hành vi tội phạm của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, cho bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt và miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp pháp lý, không bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, tại

phiên toà, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Đặng Thế H hồi 16 giờ 30 phút ngày 30-6-2015 của Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế T; biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng vật chứng vụ án, lấy mẫu gửi giám định và niêm phong lại; phù hợp với kết luận giám định của V và các bản tự khai; biên bản ghi lời khai; biên bản hỏi cung; biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên, người bào chữa; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có đủ căn cứ kết luận:

Từ đầu năm 2015 đến ngày 30/05/2015, Đặng Thế H cùng Đoàn Thị U đã 03 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với một người đàn ông Trung Quốc tên là A C, ở khu vực cửa khẩu T, huyện P (cũ), tỉnh Cao Bằng, với tổng khối lượng 850 gam. Khi lấy được ma túy H đi theo xe khách mang đến thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu để tiêu thụ. Đối với Đoàn Thị U thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy 03 lần cho H và được hưởng lợi 35.000.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đoàn Thị U là người đầy có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích, động cơ phạm tội là nhằm thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy, trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò chủ mưu. Đối với hành vi Vận chuyển trái phép 2.067,54 gam Methamphetamine và hành vi mua bán trái phép 850 gam Methamphetamine của Đặng Thế H và hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Hoàng Văn N2 đã bị Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng, đưa ra xét xử ngày 25/11/2015, Bản án đã tuyên phạt Đặng Thế H phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy và tội Mua bán trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt chung là 30 năm tù; Hoàng Văn N2 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, xử phạt 16 năm tù. Hiện các bị án đang chấp hành án tại Trại giam Q Công an. Do đó, không xem xét lại trong vụ án này.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy có tổng khối lượng 850 gam của bị cáo Đoàn Thị U đã có đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" thuộc trường hợp "*Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên*" được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự 1999. Bị cáo phạm tội thuộc đặc biệt nghiêm trọng.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, hành vi đó đã đi ngược lại chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước ta trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ tệ nạn ma túy đang ngày càng diễn biến phức tạp. Với hành vi đó đã góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy ở địa phương.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Đoàn Doãn Đ1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng ba. Do đó, bị cáo được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xét thấy bị cáo Đoàn Thị U phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, hành vi mua bán trái phép chất ma túy có tổng trọng lượng 850 gam, do vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa truy tố bị cáo Đoàn Thị U về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật.

Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”.

Hội đồng xét xử thấy, bị cáo là người dân tộc thiểu số, có nghề nghiệp là Lao động tự do, quá trình điều tra bị cáo không có tài sản tạm giữ, kê biên, không có tài khoản phong tỏa để bảo đảm thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 35.000.000 đồng bị cáo được hưởng lợi từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu đen xác định không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên cần xử lý trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí:

Bị cáo Đoàn Thị U là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Về tội danh:

Bị cáo **Đoàn Thị U** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào điểm e khoản 4 Điều 194 (Bộ luật hình sự năm 1999); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi 2017. Xử phạt bị cáo **Đoàn Thị U**-20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 20 tháng 9 năm 2023.

2. Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Truy thu số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi năm triệu đồng) do bị cáo được hưởng lợi từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà có để sung công quỹ nhà nước.

* Trả lại cho bị cáo Đoàn Thị U: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu đen, số IMEI 1: 964121066870451, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Đoàn Thị U.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 22 ngày 08 tháng 11 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đoàn Thị U được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333.

Bị cáo Đoàn Thị U có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh CB;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB (PV06);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh CB (PC04);
- P. CSTHAHS & HTTPCA tỉnh CB (PC10);
- TTG Công an tỉnh CB (PC11);
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Người TGTT;
- Người bào chữa;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Như